

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.451.037.245.871	2.314.574.077.143
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	389.538.904.510	265.372.942.880
1.	Tiền	111		167.575.758.941	166.247.322.880
2.	Các khoản tương đương tiền	112		221.963.145.569	99.125.620.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		594.651.265.046	640.963.654.551
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	687.624.927.387	793.653.196.515
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(92.973.662.341)	(152.689.541.964)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.343.753.918.762	1.281.496.916.610
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	378.568.768.368	384.475.183.118
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	112.863.292.903	136.464.182.973
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	853.150.916.813	761.386.609.842
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
IV.	Hàng tồn kho	140		53.338.871.398	50.843.895.486
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	53.338.871.398	50.843.895.486
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		69.754.286.154	75.896.667.616
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	17.937.136.673	18.827.902.103
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	967.321.052
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.27	6.679.231.671	9.960.652.399
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	45.137.917.810	46.140.792.061



Cho quý I năm 2012

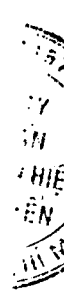
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.827.649.745.278	2.963.921.452.035
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		685.960.576.321	705.038.470.578
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	631.365.017.813	650.141.953.343
	<i>Nguyên giá</i>	222		1.188.079.735.957	1.189.463.980.515
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(556.714.718.144)	(539.322.027.172)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.13	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	13.800.676.005	14.115.485.352
	<i>Nguyên giá</i>	228		17.492.719.327	17.494.143.335
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.692.043.322)	(3.378.657.983)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	40.794.882.503	40.781.031.883
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.16	236.229.122.942	239.202.151.988
	<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(43.219.316.853)	(40.246.287.807)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.823.568.379.102	1.936.068.379.102
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.17	942.636.944.122	942.636.944.122
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	705.968.067.779	700.718.067.779
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	292.536.571.094	410.286.571.094
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(117.573.203.893)	(117.573.203.893)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		44.891.666.913	46.612.450.367
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	2.559.919.793	3.833.803.247
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.23	42.331.747.120	42.778.647.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		5.278.686.991.149	5.278.495.529.178

301
CÔNG
CỐ PH
LÝ LIỆ
N CHU
: 110

Cho quý I năm 2012
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.384.475.195.022	1.416.171.821.738
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.118.318.077.393	1.146.721.968.117
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	521.304.020.303	512.436.104.324
2.	Phải trả người bán	312	V.25	151.723.886.609	144.304.921.328
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.26	43.784.892.917	21.172.333.363
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	3.147.777.908	5.114.494.932
5.	Phải trả người lao động	315	V.28	4.100.795.028	9.939.966.152
6.	Chi phí phải trả	316	V.29	21.051.634.532	15.561.023.142
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	366.314.474.433	426.458.441.889
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.31	-	3.106.407.889
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	6.890.595.663	8.628.275.098
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		266.157.117.629	269.449.853.621
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.33	16.774.358.343	17.887.072.335
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.34	249.382.759.286	251.562.781.286
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.14	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.894.211.796.127	3.862.323.707.440
I.	Vốn chủ sở hữu	410		3.894.211.796.127	3.862.323.707.440
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.35	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.35	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.35	69.388.382.902	69.388.382.902
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-



Cho quý I năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-	
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.35	29.429.404.912	29.429.404.912
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.35	26.315.340.005	26.315.340.005
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.35	203.131.103.908	171.243.015.221
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-	
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-	
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.278.686.991.149	5.278.495.529.178

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2012

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

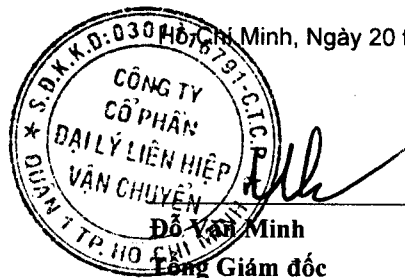
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý I Năm 2012

Chỉ tiêu	Quý I		Tích lũy đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ	328.506.902.626	316.143.221.608	328.506.902.626	316.143.221.608
2 Các khoản giảm trừ				
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	328.506.902.626	316.143.221.608	328.506.902.626	316.143.221.608
4 Giá vốn hàng bán	309.760.278.754	283.033.600.841	309.760.278.754	283.033.600.841
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	18.746.623.872	33.109.620.767	18.746.623.872	33.109.620.767
6 Doanh thu hoạt động tài chính	42.761.626.383	42.948.430.990	42.761.626.383	42.948.430.990
7 Chi phí tài chính	15.610.211.953	38.390.060.599	15.610.211.953	38.390.060.599
8 Chi phí bán hàng	1.278.656.484	1.214.124.558	1.278.656.484	1.214.124.558
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.812.484.578	11.436.618.634	12.812.484.578	11.436.618.634
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.806.897.240	25.017.247.966	31.806.897.240	25.017.247.966
11 Thu nhập khác	729.457.442	2.896.742.894	729.457.442	2.896.742.894
12 Chi phí khác	461.164.729	1.818.182	461.164.729	1.818.182
13 Lợi nhuận khác	268.292.713	2.894.924.712	268.292.713	2.894.924.712
14 Lợi nhuận trước thuế	32.075.189.953	27.912.172.678	32.075.189.953	27.912.172.678
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	187.101.266	766.388.821	187.101.266	766.388.821
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	31.888.088.687	27.145.783.857	31.888.088.687	27.145.783.857

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý I năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.075.189.953	27.912.172.678
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	19.536.206.942	25.975.991.896
- Các khoản dự phòng	03	(62.822.287.512)	8.898.723.165
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(192.635.556)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(38.701.570.766)	(26.662.270.119)
- Chi phí lãi vay	06	20.563.343.527	15.427.213.958
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(29.349.117.856)	51.359.196.022
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.673.441.940	25.534.851.719
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.494.975.912)	(7.790.476.885)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(29.802.933.328)	(86.349.348.933)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.164.648.884	(6.956.940.860)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.646.789.616)	(11.103.640.860)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(187.101.266)	(2.963.572.126)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.861.800.579	54.320.965.350
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.733.309.971)	(7.449.682.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(62.514.336.547)	8.601.350.728
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.320.915.223)	(84.924.262.070)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	500.620.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.861.805.556)	(266.290.978.872)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	135.968.733.061	294.414.307.068



5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.250.000.000)	(287.109.255.339)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.955.771.916	26.662.270.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	179.992.404.198	(317.247.919.094)

Cho quý I năm 2012
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý I Năm	
		2012	2011
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	261.866.696.393	238.405.150.465
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(255.178.802.414)	(93.796.061.068)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	(1.054.088.100)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.687.893.979	143.555.001.297
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	124.165.961.631	(165.091.567.069)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	265.372.942.880	261.855.538.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	389.538.904.510	96.763.971.541

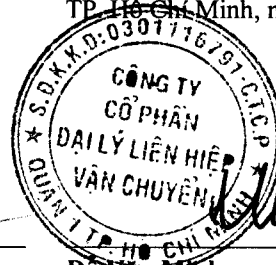


TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Trương Như Nguyên
 Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải, logistics và trồng cao su.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
 - Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 1 năm 2012 của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc 31 tháng 03 năm 2012.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

9. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Phần mềm kế toán

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/03/2012 : 20.828 VND/USD

21. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.270.860.277	3.464.418.490
Tiền gửi ngân hàng	160.911.287.331	162.358.701.307
Tiền đang chuyển	393.611.333	424.203.083
Các khoản tương đương tiền	221.963.145.569	99.125.620.000
Cộng	<u>389.538.904.510</u>	<u>265.372.942.880</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	171.602.417.365	249.721.867.626
Đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh V.18)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	33.622.510.022	61.531.328.889
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	33.622.510.022	29.239.045.500
Cho Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà vay	-	28.085.083.389
Cho Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistic vay	-	4.207.200.000
Cộng	<u>687.624.927.387</u>	<u>793.653.196.515</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	152.689.541.964
Hoàn nhập dự phòng	(59.715.879.623)
Số cuối năm	<u>92.973.662.341</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	374.790.471.030	376.062.337.992
Dịch vụ cho thuê tài sản	3.778.297.338	8.412.845.126
Cộng	<u>378.568.768.368</u>	<u>384.475.183.118</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	42.465.592.210	42.465.592.210
Công ty TNHH cảng Phước Long	37.142.688.630	62.298.411.025
Các nhà cung cấp khác	33.255.012.063	31.700.179.738
Cộng	<u>112.863.292.903</u>	<u>136.464.182.973</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	15.811.818.488	26.327.524.193
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.300.000.000	3.300.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	388.764.111.248	316.873.457.807
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	82.750.000.000	82.750.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền cho mượn, chi hộ	176.627.089.663	112.195.967.663
- Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ	22.751.785.476	20.255.821.307
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền cho mượn	55.900.000.000	55.900.000.000
- Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M – tiền cho mượn	7.506.000.000	18.946.000.000
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền cho mượn, khác	30.036.786.982	16.074.955.000
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền cho mượn	10.986.272.000	8.986.272.000
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	923.954.160	1.156.734.311
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	1.282.222.967	607.707.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	97.669.100.312	90.805.100.312
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	5.311.783.125	26.733.065.975
Các khoản phải thu khác	342.294.103.640	297.347.461.555
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án trồng cao su	281.129.337.446	244.055.334.635
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án trồng cao su	33.685.508.468	32.077.494.392
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.617.553.940	4.617.553.940
- Các khoản phải thu khác	22.861.703.786	16.597.078.588
Cộng	<u>853.150.916.813</u>	<u>761.386.609.842</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyễn Trần	190.500.000	190.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000			
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000			
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006			
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000			
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566			
Ông Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750			
Cộng	<u>829.059.322</u>	<u>829.059.322</u>			
8. Hàng tồn kho					
Nhiên liệu tồn trên tàu.					
9. Chi phí trả trước ngắn hạn					
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Chi phí sửa chữa tàu	8.184.774.469	12.853.503.270			
Chi phí bảo hiểm	4.695.269.020	1.601.124.296			
Công cụ, dụng cụ	3.050.181.033	2.398.453.034			
Chi phí khác	2.006.912.151	1.974.821.503			
Cộng	<u>17.937.136.673</u>	<u>18.827.902.103</u>			
10. Thuế và các khoản phải thu nhà nước					
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	6.679.231.671	9.960.652.399			
Cộng	<u>6.679.231.671</u>	<u>9.960.652.399</u>			
11. Tài sản ngắn hạn khác					
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Tạm ứng	25.129.144.226	26.137.182.904			
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.008.773.584	20.003.609.157			
Cộng	<u>45.137.917.810</u>	<u>46.140.792.061</u>			
12. Phải thu dài hạn khác					
Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:					
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>			
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000			
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000			
Cộng	<u>37.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>			
13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số đầu năm	66.191.510.150	130.198.672.581	981.505.938.880	11.567.858.904	1.189.463.980.515
Tăng trong năm	-	178.936.000	120.000.000	1.021.979.223	1.320.915.223
<i>Mua sắm mới</i>		<i>178.936.000</i>	<i>120.000.000</i>	<i>1.021.979.223</i>	<i>1.320.915.223</i>
Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	-	(2.705.159.781)	-	(2.705.159.781)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>			<i>(2.705.159.781)</i>		<i>(2.705.159.781)</i>
<i>Giảm khác</i>					-
Số cuối năm	66.191.510.150	130.377.608.581	978.920.779.099	12.589.838.127	1.188.079.735.957
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.381.581.789	106.218.721.242	392.612.940.469	10.108.783.672	539.322.027.172
Tăng trong năm	371.998.239	2.057.187.751	17.449.733.206	218.931.557	20.097.850.753
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>371.998.239</i>	<i>2.057.187.751</i>	<i>17.449.733.206</i>	<i>218.931.557</i>	<i>20.097.850.753</i>
Tăng khác					-
Giảm trong năm	-	-	(2.705.159.781)	-	(2.705.159.781)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>			<i>(2.705.159.781)</i>		<i>(2.705.159.781)</i>
<i>Giảm khác</i>					-
Số cuối năm	30.753.580.028	108.275.908.993	407.357.513.894	10.327.715.229	556.714.718.144
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.809.928.361	23.979.951.339	588.892.998.411	1.459.075.232	650.141.953.343
Số cuối năm	35.437.930.122	22.101.699.588	571.563.265.205	2.262.122.898	631.365.017.813

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.352.483.410	10.141.659.925	17.494.143.335
Mua trong năm	-		
Giảm trong năm		(1.424.008)	(1.424.008)
Số cuối năm	7.352.483.410	10.140.235.917	17.492.719.327
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	313.076.907	313.076.907
Giá trị hao mòn			

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Số đầu năm	-	3.378.657.983	3.378.657.983
Khấu hao trong năm	-	314.809.347	314.809.347
Giảm trong năm		(1.424.008)	(1.424.008)
Số cuối năm	-	3.692.043.322	3.692.043.322
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.352.483.410	6.763.001.942	14.115.485.352
Số cuối năm	7.352.483.410	6.448.192.595	13.800.676.005

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	33.259.425.964			33.259.425.964
XDCB dở dang	7.521.605.919	13.850.620		7.535.456.539
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091			2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173			3.658.444.173
- Các dự án khác	1.168.682.655	13.850.620		1.182.533.275
Cộng	40.781.031.883	13.850.620		40.794.882.503

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	40.246.287.807	239.202.151.988
Tăng trong năm		2.973.029.046	
Số cuối năm	279.448.439.795	43.219.316.853	236.229.122.942

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên. Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay
Thu nhập từ việc cho thuê	19.844.044.338
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	6.710.361.478
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	73,80	73,80	36.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	46,00	46,00	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,52	2.152.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000
Cộng			942.636.944.122

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hào	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00	23,00	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ^(*)	41,67	41,67	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	40,00	16,60	39.298.595.636
Công ty Cổ phần cảng Nam Hải - Đình Vũ			5.250.000.000
Cộng			705.968.067.779

(*) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này cho một đối tác khác trong năm 2012. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% .

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	203.374.669.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	66.011.901.494	66.011.901.494
Tiền gửi có kỳ hạn	23.150.000.000	140.900.000.000
Cộng	292.536.571.094	410.286.571.094

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	34.175.795.640	34.175.795.640
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	57.608.649.841	57.608.649.841
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	22.035.158.242	22.035.158.242
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.753.600.170	3.753.600.170
Cộng	117.573.203.893	117.573.203.893

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào	Số cuối năm
			chi phí trong năm	
Chi phí sửa chữa	3.785.191.740		1.261.730.580	2.523.461.160
Phần mềm kế toán	48.611.507		12.152.874	36.458.633
Cộng	3.833.803.247		1.273.883.454	2.559.919.793

22. Tài sản dài hạn khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.400.000	833.120.000
Ký quỹ thuê tàu	41.220.000.000	41.656.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	287.347.120	289.527.120
Cộng	<u>42.331.747.120</u>	<u>42.778.647.120</u>

23. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	380.989.734.416	466.251.818.610
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	57.013.809.039	93.064.434.945
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	157.985.620.087	188.478.630.148
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(c)	25.994.903.290	44.713.351.517
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh ^(d)	139.995.402.000	139.995.402.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	99.880.000.173	5.750.000.000
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội ^(e)	5.750.000.000	5.750.000.000
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	94.130.000.173	-
Vay dài hạn đến hạn trả	40.434.285.714	40.434.285.714
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	8.720.000.000	8.720.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	19.714.285.714	19.714.285.714
Cộng	<u>521.304.020.303</u>	<u>512.436.104.324</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistic. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Tàu biển Stellar Pacific.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh để đầu tư vào dự án. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt.
- (e) Khoản vay Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội theo lãi suất 14,5%/năm để bổ sung vốn kinh doanh.

24. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	2.407.669.239	5.370.900.242
- Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	-	2.873.246.752
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	1.034.466.807
- Công ty TNHH cảng Phước Long	1.012.554.930	819.512.573
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	301.983.934	216.969.079
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	259.636.788	60.455.908
- Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	24.677.699	24.677.699
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	447.562.634	338.119.840
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	361.253.254	3.451.584
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	149.316.217.370	138.934.021.086
Cộng	<u>151.723.886.609</u>	<u>144.304.921.328</u>

25. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	8.149.473.501	2.171.913.947
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	35.635.419.416	19.000.419.416
Cộng	<u>43.784.892.917</u>	<u>21.172.333.363</u>

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.147.777.908	5.114.494.932
Cộng	<u>3.147.777.908</u>	<u>5.114.494.932</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

27. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

28. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	10.523.400.432	8.606.846.521
Chi phí bốc xếp, lưu kho	6.093.865.847	4.946.206.266
Chi phí khác	4.434.368.253	2.007.970.355
Cộng	<u>21.051.634.532</u>	<u>15.561.023.142</u>

29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	721.363.241	750.863.241
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	827.003.702	1.096.110.484
Cổ tức phải trả	60.065.246.600	60.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.862.106.640	2.653.410.161
Doanh thu chưa thực hiện	7.628.950.060	2.766.834.580
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	8.698.672.865	31.121.216.700
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	264.165.343.274	289.207.472.218
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	120.853.141.332	120.853.141.332
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	35.762.651.602	34.701.883.766
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	33.227.370.790	33.227.370.790
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd.	44.927.093.002	69.730.697.870
- Công ty TNHH cảng Phước Long	15.162.490.302	15.157.572.116
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	10.293.585.975	10.293.585.975

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	3.939.010.271	5.243.220.369
Các khoản phải trả khác	20.629.546.142	37.081.045.996
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	27.200.000.000
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	11.364.867.565	616.367.419
Cộng	<u>366.314.474.433</u>	<u>426.458.441.889</u>
30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	8.628.275.098	
Chi quỹ	1.737.679.435	
Số cuối năm	<u>6.890.595.663</u>	
31. Phải trả dài hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	16.774.358.343	17.887.072.335
Cộng	<u>16.774.358.343</u>	<u>17.887.072.335</u>
32. Vay và nợ dài hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	249.382.759.286	251.562.759.286
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(b)	2.097.045.000	4.277.045.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(c)	187.285.714.286	187.285.714.286
Trái phiếu chuyển đổi	-	22.000
Cộng	<u>249.382.759.286</u>	<u>251.562.781.286</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để mua tàu biển container Great Pride, thời hạn 4 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Genadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

33. Vốn chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	29.429.404.912	29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.315.340.005	26.315.340.005
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	203.131.103.908	171.243.015.221

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	109.447.309	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	109.447.309	109.447.309
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	109.447.309	109.447.309
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	109.447.309	109.447.309
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	109.447.309	109.447.309
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý I năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
- <i>Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...</i>	308.662.858.288	293.171.370.730
- <i>Doanh thu cho thuê văn phòng</i>	19.844.044.338	22.971.850.878
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	328.506.902.626	316.143.221.608

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	303.049.917.276	276.013.521.009
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	6.710.361.478	7.020.079.832
Cộng	309.760.278.754	283.033.600.841

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Lãi tiền gửi	10.203.381.880	9.466.798.307
Lãi đầu tư chứng khoán	1.788.027.391	471.926.963
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.969.306.597	17.195.471.812
Chênh lệch tỷ giá	1.800.910.515	15.814.233.908
Cộng	42.761.626.383	42.948.430.990

4. Chi phí tài chính

	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Chi phí lãi vay	20.563.343.527	15.427.213.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.631.596.135	8.390.241.331
Lỗ đầu tư chứng khoán	51.131.151.914	5.673.882.145
Dự phòng đầu tư tài chính		8.898.723.165
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(59.715.879.623)	
Cộng	15.610.211.953	38.390.060.599

5. Chi phí bán hàng

	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	553.656.336	388.728.000
Chi phí khác	725.000.148	825.396.558
Cộng	1.278.656.484	1.214.124.558

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Chi phí cho nhân viên	7.005.097.657	5.393.875.824

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT


Quý I năm 2012

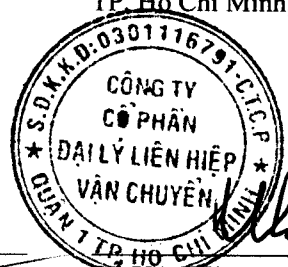
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.476.485	41.451.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.700.492.977	2.211.506.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.081.417.459	3.789.785.146
Cộng	12.812.484.578	11.436.618.634
7. Thu nhập khác		
	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, XDCB dở dang	455.109.091	4.100.000
Các khoản thu nhập khác	274.348.351	2.892.642.894
Cộng	729.457.442	2.896.742.894
8. Chi phí khác		
	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Các khoản chi phí khác	461.164.729	1.818.182
Cộng	461.164.729	1.818.182
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Quý I Năm 2012	Quý I Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.983.122.474	88.502.955.844
Chi phí nhân công	25.357.014.272	21.657.523.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.344.559.053	26.222.340.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.598.773.949	156.216.160.273
Chi phí khác	2.880.754.634	3.085.363.700
Cộng	323.851.419.816	295.684.344.033

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2012


Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc